

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bổng chuyên 1 – HP (23400203)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123100023	Nguyễn Thị Phúc	An	14/09/2005	Kế toán A	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
2	2123100043	Phạm Võ Thảo	An	14/05/2005	Kế toán B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
3	2122120316	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2004	Quản trị KD tổng hợp J	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	
4	2123100017	Trịnh Minh	Bảo	04/05/2001	Kế toán A	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
5	2122060059	Hà Đức	Cang	06/02/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
6	2120190091	Huỳnh Thị Kim	Chi	09/09/2002	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	7.0	6.0	6.0	7.0	
7	2122270050	Trần Thị	Đạm	30/12/2004	Quản trị nhà hàng B	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
8	2122240098	Đặng Thị Cẩm	Đào	02/12/2004	Tiếng Anh D	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
9	2122200148	Vũ Thị Thanh	Đào	19/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
10	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	Điện công nghiệp D	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
11	2122240108	Nguyễn Thế	Dũng	16/11/2001	Tiếng Anh D	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
12	2122110443	Nguyễn Quốc	Dương	02/02/2003	Công nghệ thông tin D	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
13	2123100003	Nguyễn Thùy	Dương	08/05/1999	Kế toán A	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
14	2122100144	Dương Thị	Hà	19/02/2004	Kế toán E	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
15	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	Kế toán I	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
16	2122190154	Dương Thị Bích	Hào	20/09/2004	Tài chính - Ngân hàng A	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
17	2122240113	Trương Hoàng	Hào	05/04/2004	Tiếng Anh D	7.0	5.0	5.0	5.0	5.5	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2122240109	Lê Thùy Mỹ	Hậu	15/09/2004	Tiếng Anh D	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
19	2122190018	Lục Thị	Hoài	13/08/2004	Tài chính - Ngân hàng A	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
20	2120200303	Nguyễn Huỳnh Bá	Huy	03/03/2002	Quản trị xuất nhập khẩu I	5.0	8.0	9.0	9.0	7.8	
21	2122190092	Đặng Thị Ngọc	Huyền	14/09/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	7.0	5.0	5.0	6.5	
22	2122100165	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/2004	Kế toán E	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
23	2122270134	Nguyễn Dương	Kiệt	21/11/2004	Quản trị nhà hàng C	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
24	2122060065	Trịnh Bá	Kiệt	12/05/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
25	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	Điện tử công nghiệp A	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
26	2122120528	Trần Thị Khánh	Linh	10/01/2004	Quản trị KD tổng hợp O	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
27	2122060038	Huỳnh Tấn	Lợi	24/10/2004	Điện tử công nghiệp B	9.0	7.0	5.0	5.0	6.5	
28	2121190167	Nguyễn Lê Xuân	Mai	01/10/2002	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
29	2122200162	Trịnh Thị Bích	Ngà	23/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
30	2122120567	Lê Thị Kiều	Ngân	20/02/2004	Quản trị KD tổng hợp P	5.0	9.0	9.0	9.0	8.0	
31	2122190077	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/05/2004	Tài chính - Ngân hàng C	9.0	7.0	6.0	6.0	7.0	
32	2122270041	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/05/2004	Quản trị nhà hàng B	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
33	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	Điện tử công nghiệp B	5.0	7.0	5.0	5.0	5.5	
34	2121210115	Võ Thị Như	Nguyệt	16/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
35	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	Điện công nghiệp C	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
36	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	Điện tử công nghiệp A	8.0	9.0	5.0	5.0	6.8	
37	2122270122	Phan Thị	Nhân	29/11/2004	Quản trị nhà hàng D	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
38	2122100246	Lê Thị Bích	Nhạn	23/03/2004	Kế toán H	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
39	2122110185	Nguyễn Bảo	Nhi	15/01/2004	Công nghệ thông tin E	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
40	2122200141	Lê Thị Hồng	Nhung	29/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
41	2122240101	Phạm Thị Hằng	Ni	12/11/2004	Tiếng Anh D	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
42	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	Điện tử công nghiệp A	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
43	2122270051	Mai Thị Thanh	Phượng	22/09/2004	Quản trị nhà hàng B	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
44	2123100001	Bùi Thị Mỹ	Quê	20/11/1998	Kế toán A	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
45	2122240086	Nông Thị Hồng	Quyên	24/10/2000	Tiếng Anh C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
46	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	Điện công nghiệp C	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
47	2122240162	Lưu Trúc	Quỳnh	10/01/2004	Tiếng Anh C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
48	2122200116	Phạm Thị Tuyết	Sâm	06/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu D	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
49	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	Điện tử công nghiệp B	9.0	7.0	5.0	5.0	6.5	
50	2121270096	Lê Xuân	Thạch	08/09/2000	Quản trị nhà hàng C	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
51	2122030232	Nguyễn Ngọc	Thành	01/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
52	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	Công nghệ KT nhiệt A	9.0	7.0	6.0	6.0	7.0	
53	2122100285	Nguyễn Minh	Thi	13/07/2004	Kế toán I	6.0	5.0	7.0	7.0	6.3	
54	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	7.0	7.0	7.0	7.0	
55	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	Kế toán A	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
56	2122120292	Lê Huy	Thông	27/02/2004	Quản trị KD tổng hợp I	9.0	5.0	6.0	6.0	6.5	
57	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	Điện công nghiệp C	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
58	2122030115	Trần Huỳnh Tri	Thức	23/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
59	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thuý	29/06/2005	Kế toán B	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng
60	2122190141	Nguyễn Trịnh Phương	Thúy	11/04/2003	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	5.0	6.0	6.0	6.5	
61	2122240102	Nguyễn Thị	Thủy	02/01/2004	Tiếng Anh D	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	
62	2122100268	Trần Thanh	Tiền	04/11/2004	Kế toán H	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
63	2122060053	Trần Quốc	Toản	10/05/2004	Điện tử công nghiệp B	8.0	5.0	8.0	8.0	7.3	
64	2122260055	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	06/11/2004	Quản trị khách sạn B	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	
65	2122240084	Lê Nguyễn Thủy	Trâm	20/01/2004	Tiếng Anh C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
66	2122240211	Thân Nguyễn Huyền	Trang	15/04/2004	Tiếng Anh C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
67	2122100253	Nguyễn Thanh	Trúc	15/10/2004	Kế toán H	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
68	2122110171	Thập Nữ Thanh	Trúc	13/08/2004	Công nghệ thông tin E	5.0	7.0	7.0	7.0	6.5	
69	2122060056	Nguyễn Đình	Trường	10/08/2004	Điện tử công nghiệp B	5.0	9.0	8.0	8.0	7.5	
70	2122100157	Nguyễn Thủy Thảo	Uyên	21/07/2004	Kế toán E	7.0	8.0	9.0	9.0	8.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	BP. 4	Điểm quá trình	Ghi chú
71	2122190004	Nguyễn Lâm	Vũ	03/08/2004	Tài chính - Ngân hàng A	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023
Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Bóng chuyên 1 – HP (23400203)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123100023	Nguyễn Thị Phúc	An	14/09/2005	Kế toán A	8.3	5.0	6,30	
2	2123100043	Phạm Võ Thảo	An	14/05/2005	Kế toán B	8.0	10.0	9,20	
3	2122120316	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2004	Quản trị KD tổng hợp J	5.0	6.0	5,60	
4	2123100017	Trịnh Minh	Bảo	04/05/2001	Kế toán A	6.3	5.0	5,50	
5	2122060059	Hà Đức	Cang	06/02/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	9.0	8,20	
6	2120190091	Huỳnh Thị Kim	Chi	09/09/2002	Tài chính - Ngân hàng C	7.0	5.0	5,80	
7	2122270050	Trần Thị	Đạm	30/12/2004	Quản trị nhà hàng B	6.3	5.0	5,50	
8	2122240098	Đặng Thị Cẩm	Đào	02/12/2004	Tiếng Anh D	8.0	8.0	8,00	
9	2122200148	Vũ Thị Thanh	Đào	19/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0,00	Vắng
10	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	Điện công nghiệp D	9.0	10.0	9,60	
11	2122240108	Nguyễn Thế	Dũng	16/11/2001	Tiếng Anh D	8.0	9.0	8,60	
12	2122110443	Nguyễn Quốc	Dương	02/02/2003	Công nghệ thông tin D	8.3	7.0	7,50	
13	2123100003	Nguyễn Thùy	Dương	08/05/1999	Kế toán A	7.0	5.0	5,80	
14	2122100144	Dương Thị	Hà	19/02/2004	Kế toán E	8.3	5.0	6,30	
15	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	Kế toán I	6.3	5.0	5,50	
16	2122190154	Dương Thị Bích	Hảo	20/09/2004	Tài chính - Ngân hàng A	8.3	5.0	6,30	
17	2122240113	Trương Hoàng	Hảo	05/04/2004	Tiếng Anh D	5.5	7.0	6,40	
18	2122240109	Lê Thùy Mỹ	Hậu	15/09/2004	Tiếng Anh D	8.0	5.0	6,20	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2122190018	Lục Thị	Hoài	13/08/2004	Tài chính - Ngân hàng A	8.3	7.0	7,50	
20	2120200303	Nguyễn Huỳnh Bá	Huy	03/03/2002	Quản trị xuất nhập khẩu I	7.8	5.0	6,10	
21	2122190092	Đặng Thị Ngọc	Huyền	14/09/2004	Tài chính - Ngân hàng C	6.5	5.0	5,60	
22	2122100165	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/2004	Kế toán E	8.3	7.0	7,50	
23	2122270134	Nguyễn Dương	Kiệt	21/11/2004	Quản trị nhà hàng C	6.3	6.0	6,10	
24	2122060065	Trịnh Bá	Kiệt	12/05/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	5.0	5,80	
25	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	Điện tử công nghiệp A	8.3	7.0	7,50	
26	2122120528	Trần Thị Khánh	Linh	10/01/2004	Quản trị KD tổng hợp O	9.0	5.0	6,60	
27	2122060038	Huỳnh Tấn	Lợi	24/10/2004	Điện tử công nghiệp B	6.5	10.0	8,60	
28	2121190167	Nguyễn Lê Xuân	Mai	01/10/2002	Tài chính - Ngân hàng D	9.0	5.0	6,60	
29	2122200162	Trịnh Thị Bích	Ngà	23/10/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	6.3	5.0	5,50	
30	2122120567	Lê Thị Kiều	Ngân	20/02/2004	Quản trị KD tổng hợp P	8.0	5.0	6,20	
31	2122190077	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/05/2004	Tài chính - Ngân hàng C	7.0	5.0	5,80	
32	2122270041	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/05/2004	Quản trị nhà hàng B	6.3	5.0	5,50	
33	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	Điện tử công nghiệp B	5.5	5.0	5,20	
34	2121210115	Võ Thị Như	Nguyệt	16/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.0	6.0	6,40	
35	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	Điện công nghiệp C	9.0	9.0	9,00	
36	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	Điện tử công nghiệp A	6.8	0.0	2,70	
37	2122270122	Phan Thị	Nhân	29/11/2004	Quản trị nhà hàng D	7.0	6.0	6,40	
38	2122100246	Lê Thị Bích	Nhạn	23/03/2004	Kế toán H	8.3	10.0	9,30	
39	2122110185	Nguyễn Bảo	Nhi	15/01/2004	Công nghệ thông tin E	7.0	8.0	7,60	
40	2122200141	Lê Thị Hồng	Nhung	29/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu E	0.0	0.0	0,00	Vắng
41	2122240101	Phạm Thị Hằng	Ni	12/11/2004	Tiếng Anh D	8.0	5.0	6,20	
42	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	Điện tử công nghiệp A	7.0	8.0	7,60	
43	2122270051	Mai Thị Thanh	Phượng	22/09/2004	Quản trị nhà hàng B	6.3	5.0	5,50	
44	2123100001	Bùi Thị Mỹ	Quê	20/11/1998	Kế toán A	7.0	5.0	5,80	
45	2122240086	Nông Thị Hồng	Quyên	24/10/2000	Tiếng Anh C	8.0	7.0	7,40	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2122050090	Trần Văn	Quyền	02/10/2004	Điện công nghiệp C	9.0	8.0	8,40	
47	2122240162	Lưu Trúc	Quỳnh	10/01/2004	Tiếng Anh C	8.0	5.0	6,20	
48	2122200116	Phạm Thị Tuyết	Sâm	06/06/2004	Quản trị xuất nhập khẩu D	6.3	6.0	6,10	
49	2122060076	Nguyễn Thanh	Sáng	25/05/2004	Điện tử công nghiệp B	6.5	6.0	6,20	
50	2121270096	Lê Xuân	Thạch	08/09/2000	Quản trị nhà hàng C	6.3	8.0	7,30	
51	2122030232	Nguyễn Ngọc	Thành	01/10/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí B	8.0	9.0	8,60	
52	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	Công nghệ KT nhiệt A	7.0	7.0	7,00	
53	2122100285	Nguyễn Minh	Thị	13/07/2004	Kế toán I	6.3	10.0	8,50	
54	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	Điện tử công nghiệp B	7.0	5.0	5,80	
55	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	Kế toán A	8.3	6.0	6,90	
56	2122120292	Lê Huy	Thông	27/02/2004	Quản trị KD tổng hợp I	6.5	7.0	6,80	
57	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	Điện công nghiệp C	9.0	5.0	6,60	
58	2122030115	Trần Huỳnh Tri	Thức	23/09/2004	Công nghệ kỹ thuật cơ khí H	8.3	10.0	9,30	
59	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	29/06/2005	Kế toán B	0.0	0.0	0,00	Vắng
60	2122190141	Nguyễn Trịnh Phương	Thúy	11/04/2003	Tài chính - Ngân hàng D	6.5	5.0	5,60	
61	2122240102	Nguyễn Thị	Thùy	02/01/2004	Tiếng Anh D	8.3	5.0	6,30	
62	2122100268	Trần Thanh	Tiền	04/11/2004	Kế toán H	8.3	9.0	8,70	
63	2122060053	Trần Quốc	Toán	10/05/2004	Điện tử công nghiệp B	7.3	5.0	5,90	
64	2122260055	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	06/11/2004	Quản trị khách sạn B	9.0	5.0	6,60	
65	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	Tiếng Anh C	8.0	7.0	7,40	
66	2122240211	Thân Nguyễn Huyền	Trang	15/04/2004	Tiếng Anh C	8.0	5.0	6,20	
67	2122100253	Nguyễn Thanh	Trúc	15/10/2004	Kế toán H	8.3	5.0	6,30	
68	2122110171	Thập Nữ Thanh	Trúc	13/08/2004	Công nghệ thông tin E	6.5	6.0	6,20	
69	2122060056	Nguyễn Đình	Trường	10/08/2004	Điện tử công nghiệp B	7.5	6.0	6,60	
70	2122100157	Nguyễn Thùy Thảo	Uyên	21/07/2004	Kế toán E	8.3	5.0	6,30	
71	2122190004	Nguyễn Lâm	Vũ	03/08/2004	Tài chính - Ngân hàng A	8.0	5.0	6,20	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	----------------------	-------------	---------------------	---------

TPHCM , ngày 06 tháng 11 năm 2023

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình